

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và

Tài chính Techcom

Được quản lý bởi

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương

TECHCOM BANKING AND FINANCE

EQUITY FUND

Managed by

Techcom Capital JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

Hanoi, day 19 month 05 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Name of FMC* : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“TCC”)/*Techcom Capital Joint Stock Company*

 - Tên Quỹ/ *Name of fund*: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN)/*TECHCOM BANKING AND FINANCE EQUITY FUND (TCFIN)*
 - Địa chỉ/ *Address*: Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, Số 6 Phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội/ *20th Floor, Techcombank Building, No. 6 Quang Trung Street, Cửa Nam District, Hanoi City.*
 - Email: IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn Website: <https://www.techcomcapital.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố/ *Content of disclosure information*:
Biên bản và Nghị Quyết Đại hội Nhà Đầu tư Thường Niên năm tài chính 2025 lần thứ hai của Quỹ TCFIN / *Meeting minute and Resolution of Techcom Banking and Finance Equity Fund was approved at the 2nd Annual General for the financial year 2025.*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 19/05/2026 tại đường dẫn: <http://www.techcomcapital.com.vn/>
This information was published on the company's/fund's website on May 19, 2026 at:
<http://www.techcomcapital.com.vn>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Biên bản họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai/ *Meeting minute of the 2nd Annual General Meeting financial year 2025.*
- Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai/ *Resolution of the 2nd Annual General Meeting financial year 2025.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
KỸ THƯƠNG
TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK
COMPANY**

Người được ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information ✪



Phí Tuấn Thành

Tổng Giám Đốc/ Chief Executive Officer



BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025 LẦN THỨ HAI
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN)

bằng hình thức họp trực tiếp

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN) được khai mạc:

Vào: 14h00 Thứ Ba ngày 19/05/2026.

Tại : Phòng họp tầng 3A, Tòa nhà Techcombank, 06 phố Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội.

Ông Phí Tuấn Thành – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (TCC) phát biểu khai mạc Đại hội và giới thiệu bà Vũ Minh Hồng – đại diện cho Ngân hàng giám sát của Quỹ - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành tham dự Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai của Quỹ.

Bà Vũ Thanh Hằng – Thành viên Ban tổ chức - đọc báo cáo nguyên tắc làm việc của Đại hội và Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu theo đó:

Tổng số Nhà Đầu tư được mời tham gia biểu quyết là **8.956** Nhà Đầu tư, đại diện **60.202.168,55** chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết theo danh sách chốt ngày **24/03/2026**.

Đến thời điểm **14h15** ngày **19/05/2026**, tổng số Nhà Đầu tư và người được ủy quyền tham dự Đại hội đại diện cho **257.644,31** chứng chỉ quỹ biểu quyết, chiếm **0,43%** tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách ngày **24/03/2026**.

Chi tiết như sau:

- **03** Nhà đầu tư trực tiếp tham dự, đại diện cho **669,23** chứng chỉ quỹ, chiếm **0,00%** tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách.
- **61** Nhà Đầu tư đại diện cho **193.280,11** chứng chỉ quỹ, chiếm **0,32%** tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách ủy quyền cho **Ông Phí Tuấn Thành - Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ**.
- **25** Nhà Đầu tư đại diện cho **63.694,97** chứng chỉ quỹ, chiếm **0,11%** tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách ủy quyền cho **Ông Nhâm Hà Hải – Chủ tịch Ban đại diện**.

Trong đó,

*Số lượng Nhà Đầu tư ủy quyền trực tuyến thông qua tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ mở tại Đại lý phân phối là **86** Nhà Đầu tư, đại diện cho **256.975,08** Chứng chỉ quỹ, chiếm **0,43%** số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm **24/03/2026**.*

Số lượng Nhà Đầu tư ủy quyền gửi bản gốc giấy ủy quyền là 0 Nhà Đầu tư, đại diện cho 0 chứng chỉ quỹ, chiếm 0% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18, Thông tư 98/2020/TT-BTC được sửa đổi bởi Điều 6 Thông tư 136/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 12/02/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Quy định tại Điều lệ Quỹ:

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ quỹ.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

Do đó, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai của Quỹ ngày 19/05/2026 được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

Ông Phí Tuấn Thành giới thiệu Chủ tọa đoàn, gồm có:

Chủ tọa đoàn

1. Ông Phí Tuấn Thành – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (TCC);
2. Ông Vương Duy Anh – Thành viên Ban Điều hành Quỹ.

Ban Thư ký

1. Bà Vũ Thanh Hằng – Bộ phận Phát triển sản phẩm.

Đại hội đã thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu, gồm có:

Ban Kiểm phiếu

1. Bà Đinh Thùy Linh – Trưởng ban;

Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai của Quỹ TCFIN bao gồm:

- Khai mạc:
 - Báo cáo tỷ lệ Nhà Đầu tư tham dự Đại hội.
 - Thông qua Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu.
 - Thông qua Chương trình Đại hội.
 - Phát biểu khai mạc.
- Trình bày các báo cáo và kế hoạch hoạt động của Quỹ:
 - Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2025.
 - Kế hoạch hoạt động năm 2026.
 - Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.
 - Báo cáo của Ngân hàng giám sát năm 2025.
- Biểu quyết các nội dung xin ý kiến Nhà Đầu tư.
 - Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
 - Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
 - Thông qua báo cáo của Ngân hàng giám sát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
 - Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm tài chính 2025
 - Thông qua Kế hoạch hoạt động năm 2026 của quỹ
 - Thông qua ngân sách hoạt động của Ban Đại diện năm 2026

- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2026
- Thông qua việc Sửa đổi và bổ sung một số nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
- Bế mạc Đại hội
 - Thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai.

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I- Trình bày các nội dung báo cáo nêu tại Tài liệu Đại hội Nhà Đầu tư

Đại diện của TCC, thành viên Ban Điều hành Quỹ và Đại diện của Ngân hàng Giám sát của Quỹ lần lượt trình bày các nội dung chương trình họp nêu tại Tài liệu Đại hội Nhà Đầu tư đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Quỹ/TCC tại địa chỉ <https://techcomcapital.com.vn/>

II- Nhà Đầu tư thảo luận, trao đổi và cho ý kiến phản hồi về các nội dung báo cáo và kế hoạch của Quỹ tại phần I.

Sau khi hoàn thành phần trình bày tại phần I, Ông Phí Tuấn Thành phát biểu mong muốn nhận được những ý kiến phản hồi và đóng góp của các Nhà Đầu tư tham dự Đại hội.

Nhà Đầu tư có ý kiến liên quan đến hoạt động của Quỹ và đã được Chủ toạ đoàn giải đáp.

III- Nội dung biểu quyết, lấy ý kiến, trao đổi của Nhà đầu tư:

Bà Đinh Thùy Linh – Đại diện Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và các thành viên ban bầu cử thực hiện lấy ý kiến Nhà Đầu tư tại Đại hội.

Sau khi tiến hành lấy ý kiến Nhà Đầu tư tại Đại hội, Bà Vũ Thanh Hằng đọc báo cáo kết quả biểu quyết, cụ thể như sau:

Kết quả kiểm phiếu:

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra: **05** phiếu đại diện **257.644,31** chứng chỉ quỹ tương ứng **100%** tổng số chứng chỉ quỹ tham gia biểu quyết tại đại hội.
- Tổng số phiếu biểu quyết thu về: **05** phiếu đại diện **257.644,31** chứng chỉ quỹ tương ứng **100%** tổng số chứng chỉ quỹ tham gia biểu quyết tại đại hội.

Trong đó:

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: **05** phiếu đại diện **257.644,31** chứng chỉ quỹ tương ứng **100%** tổng số chứng chỉ quỹ tham gia biểu quyết tại đại hội.
- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: **0** phiếu đại diện **0.00** chứng chỉ quỹ tương ứng **0.00 %** tổng số chứng chỉ quỹ tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Kết quả biểu quyết:

Nội dung 1:

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ biểu quyết như sau:

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Nội dung 2:

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Quỹ được đăng tại website của Công ty Quản lý Quỹ và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ biểu quyết như sau:

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Nội dung 3

Thông qua Báo cáo ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đính kèm cùng báo cáo tài chính đã kiểm toán đăng tại website của Công ty Quản lý Quỹ và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ biểu quyết như sau:

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |

| | | | | |
|--------------------------------|-----------|-------------------|-------------|--------------|
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Nội dung 4:

Thông qua phương án KHÔNG phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2025 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ biểu quyết như sau:

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Nội dung 5:

Thông qua Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ biểu quyết như sau:

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Nội dung 6:

(i) Thông qua báo cáo Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025 nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ như sau:

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--|---------------------|--------------------------|--|---|
| | | | | |

| | | | | |
|--------------------------------|-----------|-------------------|-------------|--------------|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(ii) Thông qua Kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026 nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ như sau:

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Nội dung 7:

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2026 nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ như sau:

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 04 | 257.054,11 | 99,99% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | 01 | 590,09 | 0,01% | 0,00% |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Nội dung 8:

Thông qua các nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư với tỷ lệ như sau:

(i) Cập nhật địa chỉ Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

| | | | | |
|--------------------------------|-----------|-------------------|-------------|--------------|
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(ii) Cập nhật nội dung nêu tại CƠ SỞ PHÁP LÝ

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(iii) Bổ sung tại mục CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(iv) Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 2 tại Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(v) Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 3 tại Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư

| | Số phiếu | Số đơn vị quỹ | Tỷ lệ % số lượng | Tỷ lệ % số lượng chứng |
|--|----------|---------------|------------------|------------------------|
|--|----------|---------------|------------------|------------------------|

| | biểu quyết | biểu quyết | CCQ tham gia biểu quyết | chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-----------------------------------|------------|-------------------|----------------------------|--|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(vi) Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 4 tại Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|--|--|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(vii) Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 1 tại Điều 10. Hạn mức đầu tư

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|--|--|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(viii) Bổ sung Điều 14.4 và Điều 15.2.c liên quan về các hình thức định danh cá nhân

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|--|--|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(ix) Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 3 tại Điều 16. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|--|--|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(x) Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 4 tại Điều 16. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|--|--|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xi) Bãi bỏ Khoản 8 tại Điều 16. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|--|--|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xii) Sửa đổi, bổ sung sửa lại tên tại Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------------|--|--|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xiii) Sửa đổi và bổ sung các nội dung liên quan tới “Giá dịch vụ phát hành” và “Giá dịch vụ mua lại” tại Điều 18.3

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Sửa đổi và bổ sung các nội dung liên quan tới “Giá dịch vụ phát hành” và “Giá dịch vụ mua lại” tại Điều 18.4

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Sửa đổi và bổ sung các nội dung liên quan tới “Giá dịch vụ phát hành” và “Giá dịch vụ mua lại” tại Điều 18.5

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xiv) Bãi bỏ tại Khoản 2 tại Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết | - | - | - | - |

| | | | | |
|------------------|-----------|-------------------|-------------|--------------|
| không hợp lệ | | | | |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xv) Sửa đổi tại Khoản 3 tại Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xvi) Sửa đổi tại Khoản 1 tại Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xvii) Sửa đổi tại Khoản 2 Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ và thành viên Ban Đại diện Quỹ

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

Bãi bỏ tại Khoản 5 Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ và thành viên Ban Đại diện Quỹ

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |

| | | | | |
|--------------------------------|-----------|-------------------|-------------|--------------|
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xviii) Sửa đổi và bổ sung tại điểm b Khoản 2 tại Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xix) Sửa đổi và bổ sung tại Điều 43. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xx) Sửa đổi và bổ sung tại Điều 44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xxi) Sửa đổi và bổ sung tại Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |

| | | | | |
|--------------------------------|-----------|-------------------|-------------|--------------|
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xxii) Sửa đổi tại Điều 47. Công ty kiểm toán

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xxiii) Sửa đổi tại Khoản 6 tại Điều 52. Xác định Giá trị Tài sản Ròng ("NAV")

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xxiv) Sửa đổi tại Khoản 1 Điều 57. Giá dịch vụ quản lý

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xxv) Sửa đổi tại Khoản 1 Điều 59. Giá dịch vụ quản lý

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|-------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |

| | | | | |
|--------------------------------|-----------|-------------------|-------------|--------------|
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xxvi) Sửa đổi tại Khoản 2 Điều 61. Phân phối lợi nhuận

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xxvii) Sửa đổi bổ sung PHỤ LỤC 4 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

(xxviii) Bổ sung Phụ lục 5 MỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ HOẶC TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ

| | Số phiếu biểu quyết | Số đơn vị quỹ biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng CCQ tham gia biểu quyết | Tỷ lệ % số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách |
|--------------------------------|---------------------|--------------------------|--|---|
| "Nhất trí" | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |
| "Không nhất trí" | - | - | - | - |
| "Không có ý kiến" | - | - | - | - |
| Ý kiến biểu quyết không hợp lệ | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 05 | 257.644,31 | 100% | 0,43% |

IV- Thông qua Biên bản, Nghị quyết và kết thúc đại hội:

Sau khi nghe Ban thư ký đọc Biên bản, Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN), Đại hội đã thống nhất thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% tổng số chứng chỉ quỹ tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN) đã kết thúc vào lúc 15h30 ngày 19 tháng 05 năm 2026.

BAN THƯ KÝ



Bà VŨ THANH HẰNG

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ



Ông VƯƠNG DUY ANH

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



Ông PHÍ TUẤN THÀNH

Số: 02/TCFIN-2026/NQĐH

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH TECHCOM (TCFIN)

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC về Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN);
- Căn cứ vào Biên bản Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 lần thứ hai của Quỹ TCFIN ngày 19/05/2026.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1:

Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 2:

Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Quỹ được đăng tại website của Công ty Quản lý Quỹ và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 3:

Thông qua Báo cáo ngân hàng giám sát của Quỹ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đính kèm cùng báo cáo tài chính đã kiểm toán đăng tại website của Công ty Quản lý Quỹ và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 4:

Thông qua phương án KHÔNG phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu tư năm tài chính 2025 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 5:

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2026 của Quỹ nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

Điều 6:

- (i) Thông qua báo cáo Ngân sách hoạt động năm 2025 nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư
- (ii) Thông qua Kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026 nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư

Ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2026:

| | Ngân sách năm 2026 (VND) |
|---|-------------------------------------|
| A. Thù lao ban đại diện | 180.000.000 |
| B. Chi phí họp Ban Đại diện | 150.920.000 |
| I. Chi phí đi lại và khách sạn | 112.640.000 |
| 1. Chi phí vé máy bay | 9.680.000 |
| 2. Chi phí khách sạn | 66.330.000 |
| 3. Chi phí phòng họp | 36.630.000 |
| II. Các chi phí khác liên quan đến cuộc họp Ban đại diện | 38.280.000 |
| Tổng cộng | 330.920.000 |

Điều 7:

Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2026.

Điều 8:

Thông qua các nội dung sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ như nội dung nêu tại tài liệu họp và trình bày tại cuộc họp Đại hội Nhà Đầu tư.

57
CÔNG
CỔ PH
ẢN L
Ỹ THU
AM -

Điều 9:

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực từ ngày ký.

Tài liệu đính kèm:

Tài liệu họp Đại hội Nhà Đầu tư

Thay mặt Đại hội Nhà Đầu tư
Chủ tịch Ban đại diện Quỹ



NHAM HÀ HẢI

Đại diện Công ty Quản lý Quỹ
Tổng Giám đốc



PHÍ TUẤN THÀNH



**TÀI LIỆU HỢP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH TECHCOM (TCFIN)**

Kinh trình Đại hội Nhà Đầu tư xem xét và thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN) các nội dung sau đây:

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ NĂM 2025**Kinh tế vĩ mô**

Năm 2025 đánh dấu bước tăng trưởng vượt bậc của nền kinh tế Việt Nam với mức tăng trưởng GDP cả năm đạt 8,02%, đạt mục tiêu Quốc hội và Chính phủ đề ra và là mức tăng rất tích cực trong bối cảnh nhiều biến động. Động lực tăng trưởng được duy trì xuyên suốt và bứt phá mạnh mẽ vào cuối năm, khi GDP quý IV/2025 ước tăng tới 8,46% so với cùng kỳ năm trước, xác lập mức tăng cao nhất của quý IV trong giai đoạn 2011-2025 và duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước.

Đóng góp vào bức tranh tăng trưởng ấn tượng này là sự bứt phá của khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng 8,95%, đóng góp 43,62% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định vai trò động lực dẫn dắt với mức tăng 9,97%, cao nhất trong giai đoạn 2019-2025. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành ước tăng 9,2%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2019, với điểm sáng đến từ các ngành sản xuất xe có động cơ, sản phẩm điện tử và kim loại.

Khu vực dịch vụ ghi nhận mức tăng trưởng 8,62%, đóng góp lớn nhất (51,08%) vào quy mô nền kinh tế nhờ sự sôi động của thị trường thương mại và du lịch. Trong khi đó, dù chịu tác động nặng nề của thiên tai, bão lũ tại miền Trung và dịch bệnh trong chăn nuôi, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định 3,78%, tiếp tục là trụ đỡ vững chắc đảm bảo an ninh lương thực và nguồn cung xuất khẩu.

Lạm phát được kiểm soát thành công trong năm 2025 với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Mặc dù chịu áp lực tăng giá từ nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng (+6,08%) và dịch vụ y tế (+13,07%) do điều chỉnh theo lộ trình, nhưng sự giảm giá của nhóm giao thông và bưu chính viễn thông đã góp phần kiềm chế đà tăng chung.

Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục là điểm sáng rực rỡ với tổng kim ngạch đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước. Xuất khẩu hàng hóa đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% với 36 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD. Đặc biệt, nhập khẩu tăng mạnh 19,4% phản ánh nhu cầu nhập khẩu tư liệu sản xuất phục vụ cho đà hồi phục của nền kinh tế. Cán cân thương mại hàng hóa duy trì thặng dư 20,03 tỷ USD, tiếp tục củng cố dự trữ ngoại hối và ổn định tỷ giá.

Thị trường nội địa chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của sức cầu tiêu dùng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt hơn 7 triệu tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm trước. Du lịch quốc tế bùng nổ với 21,2 triệu lượt khách, tăng 20,4%, lần đầu tiên đạt cột mốc ấn tượng này, khẳng định vị thế của du lịch Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Dòng vốn đầu tư và thị trường tài chính duy trì sự ổn định và tích cực. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 12,1%, cao hơn nhiều mức tăng của năm trước. Đặc biệt, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% - mức cao nhất trong 5 năm qua, tập trung chủ yếu vào công nghiệp chế biến, chế tạo. Ngân hàng nhà nước đẩy mạnh mở rộng chính sách tiền tệ với tăng trưởng tín dụng cả năm 2025 đạt khoảng 19,1% đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế, trong khi mặt bằng lãi suất cho vay được duy trì ở mức thấp để hỗ trợ doanh nghiệp.

Thị trường chứng khoán

Năm 2025 là một năm đầy khởi sắc của thị trường chứng khoán Việt Nam, phản ánh niềm tin mạnh mẽ của giới đầu tư vào sự phục hồi và tăng trưởng bền vững của nền kinh tế vĩ mô. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm (31/12/2025), chỉ số VN-Index đóng cửa tại mốc 1.784,49 điểm, ghi nhận mức tăng trưởng kỷ lục 40,9% so với thời điểm cuối năm 2024. Sự bứt phá về điểm số đi đôi với sự mở rộng mạnh mẽ về

quy mô vốn hóa, ước đạt 9.975,4 nghìn tỷ đồng, tăng 39,1%, tiếp tục khẳng định vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng của nền kinh tế.

Thanh khoản thị trường bùng nổ cho thấy dòng tiền gia nhập thị trường vô cùng dồi dào. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 29.328,2 tỷ đồng/phiên, tăng tới 39,8% so với bình quân năm 2024. Sức hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam còn được thể hiện rõ nét qua làn sóng gia nhập của các nhà đầu tư mới. Tính đến cuối năm 2025, tổng số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt hơn 11,8 triệu tài khoản, tăng thêm khoảng 2,5 triệu tài khoản so với cuối năm 2024. Sự gia tăng mạnh mẽ của lớp nhà đầu tư mới không chỉ bổ sung nguồn lực vốn quan trọng mà còn cho thấy sự phổ cập ngày càng rộng rãi của kênh đầu tư chứng khoán trong dân chúng.

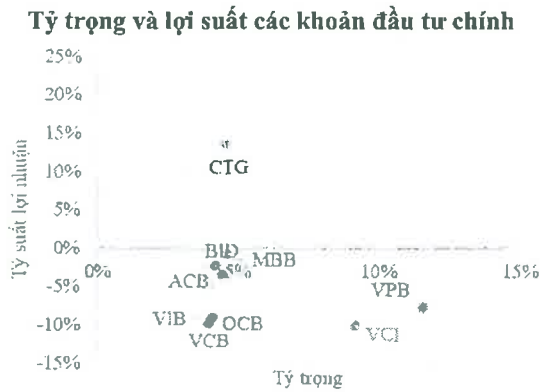
Bên cạnh thị trường cổ phiếu, các cấu phần khác của thị trường vốn cũng ghi nhận những bước tiến vững chắc. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp hoạt động sôi động với giá trị giao dịch bình quân đạt 15.300 tỷ đồng/phiên, tăng 26,1%. Quy mô thị trường trái phiếu tiếp tục được mở rộng với 473 mã niêm yết và giá trị niêm yết đạt 2.623 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6%. Thị trường chứng khoán phái sinh cũng thu hút sự quan tâm lớn với khối lượng giao dịch bình quân đạt 243.418 hợp đồng/phiên, tăng 15,2% so với năm trước, cung cấp thêm công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho nhà đầu tư.

Hoạt động đầu tư của Quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ TCFIN tại thời điểm cuối năm 2025 đạt ~799 tỷ đồng, tương đương ~15.108 đồng/CCQ. Tỷ suất lợi nhuận từ đầu năm đạt ~22,1%.

Trong kỳ, Quỹ tập trung tỷ trọng vào cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành, có triển vọng kinh doanh tốt với nhóm ngành ngân hàng và chứng khoán.

Danh mục đầu tư tại thời điểm cuối năm 2025:



Nguồn: TCC

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Thông tin chi tiết của báo cáo tài chính Nhà Đầu tư có thể tham khảo website của Công ty Quản lý Quỹ tại mục Quan hệ Nhà Đầu tư/ Báo cáo tài chính kiểm toán.

III. BÁO CÁO GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT NĂM 2025

Báo cáo ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được đính kèm cùng báo cáo tài chính đã kiểm toán của Quỹ và được trình bày tại Đại hội Nhà Đầu tư bởi Ngân hàng giám sát.

Thông tin chi tiết của báo cáo tài chính kiểm toán Nhà Đầu tư có thể tham khảo website của Công ty Quản lý Quỹ tại mục Quan hệ Nhà Đầu tư/ Báo cáo tài chính kiểm toán.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

Đề hạn chế tối đa các chi phí phát sinh, Quỹ TCFIN sẽ KHÔNG phân phối lợi nhuận.

Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được sử dụng tái đầu tư để làm tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ NĂM 2026

Bước sang năm 2026, nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam đứng trước vận hội mới với mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số. Dưới đây là những động lực trọng tâm định hình triển vọng thị trường trong năm 2026:

- **Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định vĩ mô.** Chính phủ kiên định mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn. Các chính sách tài khóa và tiền tệ sẽ được phối hợp chặt chẽ, linh hoạt, có trọng tâm trọng điểm để hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Việc nâng cao năng lực phân tích, dự báo và cập nhật liên tục các kịch bản điều hành sẽ tạo nền tảng vững chắc cho thị trường tài chính phát triển.
- **Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và hạ tầng.** Năm 2026 sẽ chứng kiến những giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm quốc gia. Việc tháo gỡ vướng mắc, xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng sẽ khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư và tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực đến các nhóm ngành xây dựng, vật liệu và bất động sản trên thị trường chứng khoán.
- **Thu hút dòng vốn FDI thế hệ mới.** Chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài sẽ chuyển dịch mạnh sang các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, tạo động lực mới cho tăng trưởng như chip, bán dẫn, đổi mới sáng tạo và hydrogen xanh. Các cơ chế ưu đãi, cạnh tranh sẽ được xây dựng để đón đầu dòng vốn từ các tập đoàn công nghệ lớn, qua đó thúc đẩy nhóm cổ phiếu khu công nghiệp và công nghệ.
- **Tái cơ cấu công nghiệp và phát triển công nghệ.** Nền kinh tế tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, phát triển theo chiều sâu. Ưu tiên hàng đầu là làm chủ công nghệ mới trong các lĩnh vực mới nổi như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghiệp xanh và bền vững. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ hỗ trợ và tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI và trong nước sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết.
- **Thúc đẩy xuất khẩu và đa dạng hóa thị trường.** Hoạt động xuất khẩu sẽ được tiếp sức thông qua việc khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và mở rộng sang các thị trường tiềm năng mới như Trung Đông, Mỹ La-tinh, châu Phi bên cạnh các thị trường chủ lực. Việc tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ giúp các doanh nghiệp xuất khẩu duy trì đà tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.
- **Kích cầu tiêu dùng và phát triển thị trường trong nước.** Các giải pháp đột phá sẽ được triển khai để phát triển mạnh thị trường nội địa và đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Việc đổi mới xúc tiến thương mại, tổ chức các sự kiện quy mô lớn và làm mới sản phẩm du lịch sẽ kích thích sức mua, hỗ trợ trực tiếp cho đà tăng trưởng của nhóm ngành bán lẻ, dịch vụ và du lịch trên sàn chứng khoán.

Nhìn chung, với đà tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2025 cùng các định hướng chính sách quyết liệt, năm 2026 hứa hẹn sẽ tiếp tục là một năm bứt phá, mở ra nhiều cơ hội lớn cho cộng đồng doanh nghiệp và thị trường tài chính chứng khoán.

Nắm bắt triển vọng thị trường, Quỹ sẽ tiếp tục tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu tiềm năng và phù hợp các tiêu chí của quỹ, dựa trên đánh giá về nền tảng cơ bản tốt, tình hình tài chính lành mạnh và triển vọng kinh doanh khả quan.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ NĂM 2026

(i) Báo cáo ngân sách hoạt động năm 2025

| | Thực tế năm 2025 (VNĐ) | Ngân sách năm 2025 (VNĐ) |
|---|---------------------------|-----------------------------|
| A. Thù lao ban đại diện | 180.000.000 | 180.000.000 |
| B. Chi phí họp Ban Đại diện | 68.572.292 | 65.224.000 |
| I. Chi phí đi lại và khách sạn | 66.843.442 | 60.224.000 |
| 1. Chi phí vé máy bay | 9.301.194 | 6.000.000 |
| 2. Chi phí khách sạn | 38.489.629 | 37.224.000 |
| 3. Chi phí phòng họp | 19.052.619 | 17.000.000 |
| II. Các chi phí khác liên quan đến cuộc họp Ban đại diện | 1.728.850 | 5.000.000 |
| Tổng cộng | 248.572.292 | 245.224.000 |

- Ngân sách chi phí hoạt động của Ban Đại diện 2025 được sử dụng cho 3 thành viên Ban Đại diện với mức thù lao được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư là 5 triệu đồng/người/tháng.

- Ban Đại diện họp theo định kỳ hàng quý (3 lần tổ chức qua conference call, 1 lần tổ chức họp trực tiếp)

(ii) Kế hoạch hoạt động năm 2026

Ngân sách đề nghị phê duyệt cho năm 2026:

TCC đề xuất Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt đề xuất ngân sách chi phí hoạt động Ban Đại diện năm 2026 như sau:

| | Ngân sách năm 2026 (VNĐ) | Thực tế năm 2025 (VNĐ) | % thay đổi |
|---|-----------------------------|---------------------------|---------------|
| A. Thù lao ban đại diện | 180.000.000 | 180.000.000 | |
| B. Chi phí họp Ban Đại diện | 150.920.000 | 68.572.292 | |
| I. Chi phí đi lại và khách sạn | 112.640.000 | 66.843.442 | |
| 1. Chi phí vé máy bay | 9.680.000 | 9.301.194 | |
| 2. Chi phí khách sạn | 66.330.000 | 38.489.629 | |
| 3. Chi phí phòng họp | 36.630.000 | 19.052.619 | |
| II. Các chi phí khác liên quan đến cuộc họp Ban đại diện | 38.280.000 | 1.728.850 | |
| Tổng cộng | 330.920.000 | 248.572.292 | 33,13% |

Cơ sở đề xuất ngân sách:

- Chi phí liên quan đến vé máy bay, khách sạn, vận chuyển năm 2026 dự kiến sẽ được điều chỉnh theo nhu cầu thực tế phát sinh năm 2025 và báo giá của các đơn vị cung cấp dịch vụ.

- Trong trường hợp số thành viên BDD tăng/giảm thì ngân sách này sẽ được điều chỉnh tăng/ giảm tương ứng dựa trên mức chi phí cấu thành ngân sách nêu trên.

- Các chi phí khác liên quan đến cuộc họp Ban Đại diện là chi phí đi lại, ăn ở của các cán bộ nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý trực tiếp Quỹ sẽ tham gia vào các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ để báo cáo tình hình hoạt động của Quỹ, cập nhật tình hình thị trường cũng như giải đáp các câu hỏi của Ban Đại diện trong các cuộc họp.

VII. LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN CHO QUỸ NĂM TÀI CHÍNH 2026

Hiện tại Công ty TCC nhận được bản chào giá từ Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam với mức phí cho năm 2026 như sau:

| Quỹ | Phí kiểm toán năm 2025 (Triệu đồng) | Đề xuất cho năm 2026 (Triệu đồng) |
|--------------|--|--------------------------------------|
| Quỹ TCFIN | 100 | 108 |
| | % thay đổi | 8% |

Ghi chú: Phí trên đã bao gồm VAT.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã kiểm toán cho Quỹ trong giai đoạn từ năm 2022-2025.

Việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026 dựa trên các tiêu chí (i) Tính liên tục của kiểm toán; (ii) Mức phí hợp lý; (iii) Tính chuyên nghiệp cao; (iv) Đáp ứng được các yêu cầu của Quỹ.

Căn cứ trên bảng chào giá và các tiêu chí lựa chọn trên, TCC đề xuất Nhà Đầu lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc 31/12/2026.



VIII. SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư xem xét và phê duyệt các đề xuất sửa đổi và bổ sung Điều lệ Quỹ nêu tại nội dung bên dưới:

| STT | Khoản mục, điều của Điều lệ mới | Khoản mục, điều của Điều lệ cũ | Lý do sửa đổi, bổ sung |
|-----|---|---|--|
| 1 | <p>Cập nhật địa chỉ của Công ty Quản lý Quỹ Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.</p> <p>Cập nhật địa chỉ của Ngân hàng giám sát Số 74 Thợ Nhuộm, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.</p> | <p>Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, số 6 phố Quang Trung, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.</p> <p>Số 74 Thợ Nhuộm, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội</p> | <p>Cập nhật theo thực tế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.</p> |
| 2 | <p>Cập nhật nội dung nêu tại phần CƠ SỞ PHÁP LÝ</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; ▪ Luật số 76/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2025; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2022; ▪ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Luật số 56/2024/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; ▪ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp; ▪ Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2022. ▪ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính; ▪ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ | <p>Cập nhật theo thực tế các quy định pháp luật mới được ban hành.</p> |

| | |
|---|---|
| <p>khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025;</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 11 tháng 09 năm 2025; ▪ Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Nghị Định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022; ▪ Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phát sinh và thị trường chứng khoán phát sinh, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2026; | <ul style="list-style-type: none"> ▪ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam ▪ Thông tư 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành; ▪ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính và Hưởng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; ▪ Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính và Hưởng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính và Sửa đổi, Bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Hưởng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 |
|---|---|

| | |
|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thông tư số 83/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn cơ chế, chính sách về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025; ▪ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024; ▪ Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026; Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021; |
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ tháng 02 năm 2026; ▪ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; ▪ Thông tư số 119/2020/TT-BTC quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; ▪ Thông tư số 120/2020/TT-BTC quy định giao dịch có phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán; ▪ Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam; ▪ Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở; ▪ Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về hành nghề chứng khoán; ▪ Các văn bản pháp lý liên quan khác. | |

| | | |
|--|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 05 tháng 05 năm 2025; ▪ Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021; ▪ Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 16 tháng 08 năm 2021; ▪ Thông tư số 20/2025/TT-BTC ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực từ 20 tháng 06 năm 2025; ▪ Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2013; ▪ Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài Chính ban hành Quy định về hành nghề |
|--|--|--|

| | | |
|-----------------|--|--|
| | <p>chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 09 tháng 02 năm 2026; <ul style="list-style-type: none"> Các văn bản pháp lý liên quan khác. </p> | |
| <p>3</p> | <p>Bổ sung tại mục CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH</p> <p>“Ngày Định Giá” Là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định pháp luật, Điều lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.</p> | <p>Điều 16 Thông tư 136</p> <p>“Ngày Định Giá” Là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.</p> |
| <p>4</p> | <p>Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 2 tại Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư</p> <p>9.2 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư bao gồm</p> <p>a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;</p> <p>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đang ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;</p> <p>đ) Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tới thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tới thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ</p> | <p>Điều 10, 17 Thông tư 136</p> <p>9.2 Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư bao gồm</p> <p>a) Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;</p> <p>b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đang ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;</p> <p>đ) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tin dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tới thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tới thiểu 30% giá trị đợt phát hành;</p> <p>e) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.</p> |

| | | | |
|----------|--|---|-------------------------------------|
| | <p>chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục 5 Điều lệ Quy tại bảo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục 5 Điều lệ Quỹ</p> <p>e) Chứng khoán phải sinh lãi yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;</p> <p>g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.</p> <p>h) Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền</p> | | |
| <p>5</p> | <p>Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 3 tại Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư</p> <ul style="list-style-type: none"> Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> a) Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch; b) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; c) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán hoặc có cam kết mua lại trước hạn thì phải có tài liệu chứng minh về bảo lãnh | <p>Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Có quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;</p> <p>b) Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;</p> <p>c) Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.</p> | <p>Điều 10, 17 Thông tư 136</p> |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;</p> <p>d) Đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm thì phải có báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất, báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật, tài liệu về thời hạn thực hiện hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và bậc xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;</p> <p>đ) Việc đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải được thực hiện theo quy trình quản lý rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình tối thiểu bao gồm các nội dung về tiêu chí lựa chọn trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tiêu chí lựa chọn tổ chức phát hành, cách thức đánh giá, đo lường rủi ro và phương pháp quản lý các rủi ro.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trong trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm, công ty quản lý quỹ phải bán các trái phiếu đó trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật hoặc kể từ ngày kết thúc xếp hạng tín nhiệm, trừ trường hợp trái phiếu có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống. <p>e) Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đảm bảo đáp ứng các quy định sau:</p> <p>Quý đang nắm giữ tối thiểu 50% số lượng mã chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh;</p> <p>Giá trị cam kết của các hợp đồng chứng khoán phái sinh đang để phòng ngừa rủi ro không vượt quá 50% tổng giá trị</p> | |
|--|---|--|

| | | | |
|---|--|--|---------------------|
| 6 | <p><i>đánh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ.</i></p> <p><i>Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh phải được thực hiện theo quy trình sử dụng chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro do công ty quản lý quỹ xây dựng, được Ban đại diện quỹ phê duyệt trước khi áp dụng, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tuân thủ quy trình. Quy trình phải quy định phương pháp định lượng xác định hệ số tương quan về rủi ro biến động giữa danh mục chứng khoán thuộc tài sản cơ sở của quỹ với tài sản cơ sở của chứng khoán phái sinh; hệ số tương quan phải được xác định trước khi đầu tư vào chứng khoán phái sinh.</i></p> <p>Bổ sung Khoản 4 tại Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư</p> <p>9.4 Giao dịch tài sản của Quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các giao dịch mua, bán chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán cho quỹ phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tập trung của Sở giao dịch chứng khoán. - Đối với các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán nhưng không bao gồm giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ), công ty quản lý quỹ phải bảo đảm: <ul style="list-style-type: none"> i) Được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, thời điểm thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch; ii) Công ty quản lý quỹ phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến, khoảng thời gian thực hiện, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, loại tài sản giao dịch đối với các giao dịch hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày được Ban đại diện quỹ chấp thuận và phải tuân thủ quy định tại điểm b bên dưới. iii) Trường hợp mức giá thực tế mua cao hơn hoặc giá bán thực tế thấp hơn giá tham chiếu của tổ chức cung cấp báo giá hoặc giá tham chiếu trung bình của các tổ chức cung cấp báo giá hoặc vượt | | Điều 8 Thông tư 136 |
|---|--|--|---------------------|

| | | | |
|----------|--|---|-------------------------------------|
| | <p>quá khoảng giá đã được chấp thuận theo quy định tại điểm a khoản này, công ty quản lý quỹ phải giải thích để Ban đại diện quỹ quyết định.</p> | | |
| <p>7</p> | <p>Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 1 tại Điều 10. Hạn mức đầu tư</p> <p>10.1. Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:</p> <p>a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9.</p> <p>b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ, e và h khoản 2 Điều 9, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục 4 Điều lệ này; phần đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm tính bằng tổng giá trị đầu tư của quỹ vào chứng quyền có bảo đảm của tổ chức phát hành chứng quyền;</p> <p>đ) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9, trong đó, không được đầu tư quá 5% tổng giá trị tài sản của quỹ vào cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch bị hạn chế chuyển nhượng từ 03 năm trở lên. Trường hợp trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ hoặc tổ chức phát</p> | <p>10.1. Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:</p> <p>a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, quỹ mở không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9.</p> <p>b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>c) Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9 của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;</p> <p>d) Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 2 Điều 9, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Phụ lục 4 Điều lệ này;</p> <p>đ) Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9;</p> | <p>Điều 10, 17 Thông tư 136</p> |

| | |
|--|---|
| <p><i>hành của trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán, quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 và vào các trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ không còn đạt mức xếp hạng tín nhiệm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 hoặc kết thúc xếp hạng tín nhiệm nhưng chưa được bán;</i></p> <p><i>e) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, trừ trường hợp quỹ trái phiếu. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, đ, g và h khoản 2 Điều 9 (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;</i></p> <p><i>g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;</i></p> <p><i>h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;</i></p> <p><i>i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</i></p> <p><i>- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, có phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</i></p> <p><i>- Không đầu tư vào quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, có phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</i></p> <p><i>- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, có phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</i></p> <p><i>k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;</i></p> <p><i>l) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành, trừ trường hợp quỹ trái phiếu.</i></p> <p><i>m) Không được đầu tư quá 5% tổng số chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành của một mã chứng quyền có bảo đảm.</i></p> | <p>e) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, đ và g khoản 2 Điều 9 (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;</p> <p>g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;</p> <p>h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;</p> <p>i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:</p> <p>- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, có phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, có phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;</p> <p>k) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;</p> <p>l) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành.</p> |
|--|---|



| | | | |
|---|--|---|---------------------------|
| 8 | <p>Bổ sung Điều 14.4 và Điều 15.2.c liên quan về các hình thức định danh cá nhân Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số định danh cá nhân</p> | | Điều 28.2 Thông tư 136 |
| 9 | <p>Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 3 tại Điều 16. Giao dịch chứng chỉ Quỹ 16.3 Lệnh mua chứng chỉ Quỹ</p> <p>(i) Việc thực hiện lệnh mua phải tuân thủ nguyên tắc sau:</p> <p>a) Lệnh mua của nhà đầu tư phải gửi kèm xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của quỹ hoặc ngân hàng giám sát xác nhận với công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Việc xác nhận hoàn tất việc thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận</p> <p>b) Đại lý ký danh được thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán;</p> <p>c) Nhà đầu tư thanh toán giao dịch mua chứng chỉ quỹ dưới hình thức chuyển khoản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Tiền mua chứng chỉ quỹ phải chuyển trực tiếp vào tài khoản của quỹ tại ngân hàng giám sát theo quy định tại khoản (ii) Điều này, không thanh toán vào tài khoản khác của đại lý phân phối;</p> <p>d) Giá trị giao dịch của lệnh mua phải không nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;</p> <p>đ) Số lượng đơn vị quỹ bán cho nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.</p> <p>(ii) Công ty quản lý quỹ mở tài khoản tiền của quỹ tại ngân hàng giám sát để nhận tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Đại lý ký danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại ngân hàng giám sát theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 77 Thông tư 98 để nhận tiền gửi thanh toán giao dịch của nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh.</p> | <p>16.3. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Quỹ đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ bởi Nhà Đầu Tư.</p> | Điều 13 Thông tư 136 |

| | | | |
|-----------|--|--|---------------------------------|
| <p>10</p> | <p>(iii) Tiền mua chứng chỉ quỹ khi chuyển vào tài khoản tiền của quỹ tại ngân hàng giám sát được giải ngân để đầu tư ngay trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thanh toán tiền lãi cho quỹ, với lãi suất tối thiểu bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn đang áp dụng, kể từ ngày quỹ nhận được tiền mua chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư.</p> <p>(iv) Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiền khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư</p> <p>Sửa đổi và bổ sung tại Khoản 4 tại Điều 16. Giao dịch chứng chỉ Quỹ</p> <p>16.4. Lệnh bán chứng chỉ Quỹ</p> <p>(i) Việc thực hiện lệnh bán phải tuân thủ nguyên tắc sau:</p> <p>a) Lệnh bán của nhà đầu tư chỉ được thực hiện khi nhà đầu tư, đại lý ký danh có đủ số lượng đơn vị quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch của nhà đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tài khoản, tiền khoản quy định tại Điều lệ quỹ. Bán cáo bạch;</p> <p>b) Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;</p> <p>c) Thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ; và Bán cáo bạch nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại Điều 17 Điều lệ Quỹ;</p> <p>d) Tiền bán chứng chỉ quỹ được quỹ chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định.</p> <p>(ii) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định tại điểm c khoản (i) Điều này, đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho nhà đầu tư.</p> <p>(iii) Trường hợp Điều lệ quỹ, Bán cáo bạch có quy định, công ty</p> | | <p>Điều 14 Thông tư 136</p> |
| | | <p>16.4. Lệnh bán sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký bán và thỏa mãn điều kiện số dư còn lại tối thiểu hoặc Nhà Đầu Tư có thể đăng ký bán hết số dư trong tài khoản.</p> | |

| | | |
|----|--|---|
| | <p>quản lý quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đảm bảo:</p> <p>a) Chỉ thực hiện khi công ty quản lý quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban đại diện quỹ và phải báo cáo Đại hội nhà đầu tư gần nhất;</p> <p>b) Được nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>c) Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán lớn hơn 50 tỷ đồng hoặc một giá trị khác lớn hơn theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;</p> <p>d) Cơ cấu danh mục chuyển giao cho nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ.</p> <p>(iv) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản (iii) Điều lệ này.</p> | |
| 11 | <p>Bãi bỏ Khoản 8 tại Điều 16. Giao dịch chứng chỉ quỹ</p> | <p>Điều 13 Thông tư 136</p> <p>16.8. Trường hợp Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh Mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiêu khoán giao dịch hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư.</p> |
| 12 | <p>Sửa đổi, bổ sung tại Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở</p> <p>17.1. Công ty Quản Lý Quỹ có quyền chi đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp bên dưới.</p> <p>Công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ</p> <p>a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển</p> | <p>Điều 15 Thông tư 136</p> <p>16.8. Trường hợp Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh Mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiêu khoán giao dịch hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư.</p> <p>Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ</p> <p>17.1. Công ty Quản Lý Quỹ có quyền chi đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Tổng giá trị của các Lệnh Bán (bao gồm cả Lệnh Bán từ hoạt động Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua (bao gồm cả Lệnh Mua từ hoạt động Chuyển Đổi Quỹ) tại Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của giá trị tài sản</p> |

| | |
|---|---|
| <p>đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của quỹ;</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch dẫn đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng); hoặc - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch; <p>c) Sau khi đã nỗ lực tối đa và cân bằng lợi ích nhà đầu tư mà việc bán chứng khoán để lấy tiền mặt để đáp ứng Tổng giá trị của tất cả các Lệnh Bán (bao gồm cả Lệnh Bán từ hoạt động Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua (bao gồm cả Lệnh Mua từ hoạt động Chuyển Đổi Quỹ) tại Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư không thể thực hiện được do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình thanh khoản của thị trường thấp; hoặc - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại Điều 17.4.b; <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p> <p>Trường hợp đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi như quy định tại điểm a, b, c, d nêu trên, thì Sở tiền để thanh toán cho Nhà đầu tư là Số dư tiền mặt trừ các Nghĩa vụ phải trả của Quỹ theo số liệu do Tổ chức được ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ quy định tại Điều 38 cung cấp tại Ngày Giao Dịch.</p> <p>17.2. Trường hợp thực hiện một phần Lệnh Bán, Lệnh mua, Lệnh Chuyển Đổi Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.</p> <p>17.3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> | <p>ròng của Quỹ (NAV);</p> <p>b) Việc thực hiện toàn bộ các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch dẫn đến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng); hoặc - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch; <p>c) Sau khi đã nỗ lực tối đa và cân bằng lợi ích nhà đầu tư mà việc bán chứng khoán để lấy tiền mặt để đáp ứng Tổng giá trị của tất cả các Lệnh Bán (bao gồm cả Lệnh Bán từ hoạt động Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua (bao gồm cả Lệnh Mua từ hoạt động Chuyển Đổi Quỹ) tại Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư không thể thực hiện được do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình thanh khoản của thị trường thấp; hoặc - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch do quyết định của sở giao dịch chứng khoán Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại Điều 17.4.b; <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trường hợp đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi như quy định tại điểm a, b, c, d nêu trên, thì Sở tiền để thanh toán cho Nhà đầu tư là Số dư tiền mặt trừ các Nghĩa vụ phải trả của Quỹ theo số liệu do Tổ chức được ủy quyền dịch vụ quản trị quỹ quy định tại Điều 38 cung cấp tại Ngày Giao Dịch.</p> <p>17.2. Trường hợp thực hiện một phần Lệnh Bán, Lệnh mua, Lệnh Chuyển Đổi Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.</p> <p>17.3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>17.4. Công ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch</p> |
|---|---|

| | | | |
|-------|--|--|-------------------------|
| 13 | <p>17.4. Công ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chi Quỹ trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;</p> <p>b) Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>c) Sau khi đã nỗ lực tối đa để xử lý tài sản của quỹ và cân bằng lợi ích nhà đầu tư mà Số dư tiền mặt trừ các Nghĩa vụ phải trả của Quỹ theo số liệu mà do Tổ chức được uỷ quyền dịch vụ quản trị quỹ quy định tại Điều 38 cung cấp tại Ngày Giao Dịch bằng không;</p> <p>d) Các sự kiện khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.</p> <p>17.5. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 17.4, trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.</p> <p>17.6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ tối đa sẽ là 90 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>17.7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định tại Điều 17.6, Công ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ.</p> <p>17.8. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định tại Điều 17.4 chấm dứt, Công ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.</p> | <p>Chứng Chi Quỹ trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;</p> <p>b) Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>c) Sau khi đã nỗ lực tối đa để xử lý tài sản của quỹ và cân bằng lợi ích nhà đầu tư mà Số dư tiền mặt trừ các Nghĩa vụ phải trả của Quỹ theo số liệu mà do Tổ chức được uỷ quyền dịch vụ quản trị quỹ quy định tại Điều 38 cung cấp tại Ngày Giao Dịch bằng không;</p> <p>d) Các sự kiện khác do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.</p> <p>17.5. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản Điều 17.4, trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.</p> <p>17.6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ tối đa sẽ là 90 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>17.7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định tại Điều 17.6, Công ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ.</p> <p>17.8. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định tại Điều 17.4 chấm dứt, Công ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.</p> | Điều 16 Thông tư 136 |
| 18.3. | <p>Sửa đổi và bổ sung các nội dung liên quan tới “Giá dịch vụ phát hành” và “Giá dịch vụ mua lại” tại:</p> <p>18.3. Giá dịch vụ phát hành</p> | | |

| | |
|---|--|
| <p>Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho Lệnh Mua do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Trong mọi trường hợp giá dịch vụ phát hành không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> | <p>Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho Lệnh Mua do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Trong mọi trường hợp giá dịch vụ phát hành không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.</p> <p>Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> |
| <p>18.4. Giá dịch vụ mua lại</p> <p>Giá dịch vụ mua lại đối với các Chứng Chi Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Trong mọi trường hợp giá dịch vụ mua lại không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.</p> <p>Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các Nhà Đầu Tư khi thực hiện các lệnh bán và được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> | <p>Giá dịch vụ mua lại đối với các Chứng Chi Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Trong mọi trường hợp giá dịch vụ mua lại không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.</p> <p>Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các Nhà Đầu Tư khi thực hiện các lệnh bán và được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> |
| <p>18.5. Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ</p> <p>Giá dịch vụ Chuyển Đổi là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi đầu tư giữa các Quỹ mở do cùng Công ty Quản Lý Quỹ quản lý. Việc chuyển đổi Quỹ bằng việc bán một Quỹ và mua một Quỹ khác tại ngày giao dịch tương ứng được coi như thực hiện một lệnh bán.</p> <p>Giá dịch vụ Chuyển Đổi đối với các Chứng Chi Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ vào từng thời</p> | <p>Giá dịch vụ Chuyển Đổi là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi đầu tư giữa các Quỹ mở do cùng Công ty Quản Lý Quỹ quản lý. Việc chuyển đổi Quỹ bằng việc bán một Quỹ và mua một Quỹ khác tại ngày giao dịch tương ứng được coi như thực hiện một lệnh bán.</p> <p>Giá dịch vụ Chuyển Đổi đối với các Chứng Chi Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần</p> |

| | | | | |
|----|--|--|--|-----------------------------------|
| 14 | <p>điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ Chuyển Đổi không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Khi thực hiện chuyển đổi, Nhà Đầu Tư chỉ thanh toán Giá dịch vụ Chuyển Đổi trên giá trị đăng ký chuyển đổi, mà không phải thanh toán Giá dịch vụ Mua Lại đối với Quỹ hiện tại và Giá dịch vụ Phát Hành đối với Quỹ mục tiêu.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ sẽ được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> | <p>trăm) giá trị giao dịch. Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ Chuyển Đổi không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 60 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>Khi thực hiện chuyển đổi, Nhà Đầu Tư chỉ thanh toán Giá dịch vụ Chuyển Đổi trên giá trị đăng ký chuyển đổi, mà không phải thanh toán Giá dịch vụ Mua Lại đối với Quỹ hiện tại và Giá dịch vụ Phát Hành đối với Quỹ mục tiêu.</p> <p>Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ sẽ được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.</p> | <p>Bãi bỏ tại Khoản 2 tại Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư</p> | <p>Điều 28.1 Thông tư 136</p> |
| 15 | <p>Sửa đổi tại Khoản 3 tại Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư</p> <p>20.3. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà Đầu Tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp 21 (hai mươi một) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội và Công ty Quản Lý Quỹ phải gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan cho UBCKNN ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày tiến hành đại hội đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.</p> | <p>20.3. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường-niên-hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà Đầu Tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp 21 (hai mươi một) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội và Công ty Quản Lý Quỹ phải gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan cho UBCKNN ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày tiến hành đại hội.</p> | <p>Điều 5 Thông tư 136</p> | |
| 16 | <p>Sửa đổi tại Khoản 1 tại Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư</p> <p>22.1 Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết là trực tiếp hoặc ủy quyền tham</p> | <p>22.1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc</p> | <p>Điều 6 Thông tư 136</p> | |

| | | |
|----|--|---|
| 17 | <p>gia và biểu quyết hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>Sửa đổi tại Khoản 2 Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ và thành viên Ban Đại Diện Quỹ</p> <p>26. 2 Phê duyệt số tay định giá trị tài sản ròng của quỹ (trong đó có bao gồm trường hợp xác định giá trị tài sản khi giá thị trường của tài sản có biến động lớn (nếu áp dụng)); danh sách các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà quỹ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại khoản 2, Điều 9, Điều lệ quỹ; Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận từ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>Bãi bỏ tại Khoản 5 Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ và thành viên Ban Đại Diện Quỹ</p> | <p>thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>Điều 28 Thông tư 136</p> |
| 18 | <p>Sửa đổi và bổ sung tại điểm b Khoản 2 tại Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát</p> <p>b) Tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán nhưng không có quyền biểu quyết; cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán. , các cuộc họp Ban đại diện quỹ.</p> | <p>26. 2 Phê duyệt số tay định giá trị tài sản ròng của quỹ danh sách các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà quỹ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b khoản 2, Điều 9, Điều lệ quỹ; Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận từ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>26. 5 Nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e, g và h khoản 2 Điều 20. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin Quyết định của Ban đại diện quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với Quyết định của Đại hội nhà đầu tư.</p> <p>Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định mức điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý Quỹ trong mức tối đa được quy định tại Điều lệ này, hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý Quỹ sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website của Công ty quản lý Quỹ.</p> <p>b) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư, họp Ban đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.</p> <p>Điều 28.1 Thông tư 136</p> |
| 18 | <p>Sửa đổi và bổ sung tại điểm b Khoản 2 tại Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát</p> <p>b) Tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán nhưng không có quyền biểu quyết; cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán. , các cuộc họp Ban đại diện quỹ.</p> | <p>Điều 22 Thông tư 136</p> |

| | | |
|----|---|---------------------------------|
| 19 | <p>Sửa đổi và bổ sung tại Điều 43. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại lý phân phối</p> <p>Tổ chức được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm Đại Lý Phân Phối phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>43.1. Đại lý phân phối của, quỹ mở là các công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ mở với công ty quản lý quỹ.</p> <p>43.2. Đại lý phân phối không phải là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, ngân hàng lưu ký không được làm đại lý ký danh; phải tách bạch việc phân phối chứng chỉ quỹ với các sản phẩm khác tại các địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; chi được sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng tại địa điểm phân phối và trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ đã thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc cung cấp thông tin cho nhà đầu tư theo yêu cầu của nhà đầu tư</p> <p>43.3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 11 Điều 78 Thông tư 136. Báo cáo đánh giá cơ sở vật chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.</p> <p>Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ phải tối thiểu bao gồm các nội dung về phạm vi hoạt động phân phối, quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng, trong đó có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật của đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ phải thường xuyên giám sát đại lý phân phối, chịu trách nhiệm đảm</p> | <p>Điều 24 Thông tư 136</p> |
| | <p>Tổ chức được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm Đại Lý Phân Phối phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>43.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;</p> <p>43.2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chi Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;</p> <p>43.3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chi Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chi Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sai thời điểm nhận lệnh, ngân ngtra hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai Chứng chỉ quỹ theo thông lệ quốc tế.</p> <p>43.4. Đại Lý Phân Phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:</p> <p>a) Làm đại lý ký danh;</p> <p>b) Đồng thời làm Đại Lý Phân Phối cho Công ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.</p> | |

| | | |
|--|---|--|
| | <p>bảo hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ của đại lý phân phối là phù hợp với các điều khoản tại hợp đồng phân phối.</p> <p>43.4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi đại lý phân phối, công ty quản lý quỹ phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kèm theo các tài liệu sau:</p> <p>a) Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;</p> <p>b) Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của quỹ khác do công ty quản lý).</p> <p>43.5. Trường hợp đại lý phân phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối hoặc hợp đồng phân phối hết hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho nhà đầu tư đồng thời chỉ định đại lý phân phối thay thế (nếu có).</p> <p>43.6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi, bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, thay đổi địa chỉ của địa điểm phân phối, thay đổi, bổ sung nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối. Đại lý phân phối phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán trước khi phân phối trên môi trường mạng</p> <p>43.7. Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:</p> <p>a) Theo quyết định của đại lý phân phối;</p> <p>b) Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện;</p> <p>c) Địa điểm phân phối không duy trì được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định;</p> <p>d) Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.</p> <p>43.8. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 7 Điều này, đại lý phân phối có trách nhiệm thông báo trước cho công ty quản lý quỹ và nhà đầu tư, đồng thời chỉ</p> | |
|--|---|--|

| | | | |
|----|---|---|---------------------------------|
| 20 | <p>định địa điểm phân phối thay thế.</p> <p>43.9. Công ty quản lý quỹ chỉ được thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, có phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do mình quản lý. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cấp nhật thông tin tại Bản cáo bạch và tuân thủ các quy định về đại lý phân phối. Đồng thời, công ty quản lý quỹ phải bảo đảm các nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận quản lý tài sản, phân tích đầu tư, kiểm soát nội bộ</p> <p>Sửa đổi và bổ sung tại Điều 44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối</p> <p>44.6 Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.</p> | <p>44.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.</p> | <p>Điều 25 Thông tư 136</p> |
| 21 | <p>Sửa đổi và bổ sung tại Điều 46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chi Quỹ</p> <p>46.1 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, Công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác về Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được Công bố Công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chi Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.</p> <p>46.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chi Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chi Quỹ.</p> | <p>46.1 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, Công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác về Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được Công bố Công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chi Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.</p> <p>46.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chi Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chi Quỹ.</p> | <p>Điều 26 Thông tư 136</p> |

| | |
|---|---|
| <p>46.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.</p> <p>46.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.</p> <p>46.5 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> | <p>46.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.</p> <p>46.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.</p> <p>46.5 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.</p> |
| <p>46.6 Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí/giá dịch vụ đã được Công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản Lý Quỹ.</p> | <p>46.6 Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí/giá dịch vụ đã được Công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản Lý Quỹ.</p> |
| <p>46.6 Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không đồng cho mỗi nhà đầu tư trong một chương trình khuyến mãi. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ.</p> <p>Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với công ty quản lý quỹ.</p> | <p>46.7 Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo</p> |

| | |
|--|--|
| <p>46.7 Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên môi trường mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đại lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.</p> <p>46.8 Công ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản Lý Quỹ.</p> <p>46.9 Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.</p> <p>46.10. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.</p> <p>46.11. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán; b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ bảo đảm an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt; c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin của khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống; d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối | <p>với UBCKNN, Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.</p> <p>46.8 Công ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản Lý Quỹ.</p> |
|--|--|

| | | |
|----|--|---|
| | <p>chúng chỉ quỹ, quy trình ngân hàng gửi tiền và giao dịch mua của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;</p> <p>d) Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;</p> <p>e) Tuân thủ hoạt động phân phối quy định tại khoản 1 Điều 77 Thông tư này, khoản 5 và khoản 6 Điều này.</p> <p>g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này;</p> <p>h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.</p> <p>46.12. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối.</p> | |
| 22 | <p>Sửa đổi tại Điều 47. Công ty kiểm toán</p> <p>Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà Đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;</p> <p>b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;</p> <p>c) Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ Đầu tư;</p> | <p>Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà Đầu tư lựa chọn. Trường hợp, Đại hội Nhà Đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện, Ban Đại diện Quỹ thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:</p> <p>a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;</p> <p>b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;</p> |

| | | | |
|----|---|---|---|
| 23 | <p>d) Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.</p> | <p>c) Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán Quỹ Đầu tư; d) Không phải là người có liên quan</p> | Điều 7 Thông tư 136 |
| 24 | <p>Sửa đổi tại Khoản 6 tại Điều 52. Xác định Giá trị Tài sản Rong (“NAV”) 52.6 Các giá trị tài sản ròng theo quy định tại khoản 4, 5 Điều này phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ. Sở giao dịch chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện <i>muộn nhất vào</i> ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định tại Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính và Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021</p> | <p>52.6 Các giá trị tài sản ròng theo quy định tại khoản 4, 5 Điều này phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ. Sở giao dịch chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Nội dung thông tin về giá trị tài sản ròng thực hiện theo mẫu quy định tại Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính và Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021</p> | Cập nhật theo thực tế hoạt động của Quỹ |
| 25 | <p>Sửa đổi tại Khoản 1 Điều 57. Giá dịch vụ quản lý Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ Quản lý Quỹ, giá dịch vụ Quản trị Quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ không vượt quá quy định của Pháp luật (nếu có).</p> | | Cập nhật theo thực tế hoạt động của Quỹ |
| 26 | <p>Sửa đổi tại Khoản 1 Điều 59. Giá dịch vụ quản lý 3. Giá dịch vụ thực hiện quyền: Theo quy định hiện hành - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối cổ tức</p> | <p>61.2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ quỹ phải được sự chấp thuận của đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của ban đại diện quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch. Khởi lượng Chứng chỉ quỹ được phân chia trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ tại ngày chốt danh sách nhà đầu tư hoặc điều lệ quỹ.</p> | Điều 28.1 Thông tư 136 |

| | | | |
|----|---|--|-------------------------|
| 27 | Sửa đổi bổ sung PHỤ LỤC 4 PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN | | Điều 29 Thông tư 136 |
| 28 | Bổ sung Phụ lục 5 MỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ HOẶC TO CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ | | Điều 29 Thông tư 136 |

Phụ lục 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

A - Giá trị tài sản

| STT | Loại tài sản | Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường |
|---|---|---|
| Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ | | |
| 1 | Tiền (VND) | Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá. |
| 2 | Ngoại tệ | Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá. |
| 3 | Tiền gửi kỳ hạn | Giá trị tiền gửi công lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá. |
| 4 | Tin phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác | Giá mua công lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. |
| 5 | Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác | Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thân hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán quy định và thời gian nắm giữ công cụ. |
| Trái phiếu | | |
| 6 | Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán | <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá công lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc giá thị trường có nhiều biến động (*) và phương pháp xác định giá được quy định tại Điều lệ quỹ. Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua công lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá công lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. <p>(*) <i>Giá thị trường có nhiều biến động được hiểu là giá trái phiếu của kỳ định giá có biến động tăng hoặc giảm từ 1% trở lên (đối với trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương) và biến động tăng hoặc giảm từ 5% trở lên (đối với</i></p> |

| | | |
|-----------------|--|---|
| | | <p><i>trái phiếu doanh nghiệp) so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.</p> |
| 7 | Trái phiếu không niêm yết | |
| Cổ phiếu | | |
| 8 | Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, có phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, có phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 9 | Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, có phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, có phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 10 | Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán | <p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc |

| | | |
|----------------------|---|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách, hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 11 | Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán | <ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 12 | Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản | <ul style="list-style-type: none"> Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| 13 | Cổ phần, phần vốn góp khác | |
| Chứng chỉ quỹ | | |
| 14 | Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử |

| | | |
|-------------------------------|--|--|
| | | <p>của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất</p> <p>trước ngày định giá; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.</p> |
| 15 | Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết | <p>Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.</p> |
| Chứng khoán phái sinh | | |
| 17 | Chứng khoán phái sinh niêm yết | <p>Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đảo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và</p> <p>Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> |
| 18 | Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá | <p>Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.</p> |
| Chứng quyền có bảo đảm | | |
| 19 | Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán | <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các |

| | | |
|-------------------------|-----------------------------------|--|
| | | mức giá sau: + Giá trị số sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận. |
| Các tài sản khác | | |
| 20 | Quyền mua cổ phiếu | Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. |
| 21 | Bất động sản | Giá được định giá bởi doanh nghiệp thẩm định giá tại thời điểm gần nhất. |
| 22 | Các tài sản được phép đầu tư khác | Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán thông qua. |

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị số sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam,...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B - Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

| STT | Loại tài sản | Giá trị cam kết |
|-----|--|---|
| 1. | Quyền chọn có phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua) | Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ² |
| 2. | Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua) | Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta |
| 3. | Hợp đồng tương lai chỉ số | Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại |
| 4. | Hợp đồng tương lai trái phiếu | Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rõ nhất có thể chuyển giao |
| 5. | Các hợp đồng khác | Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận |

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

**MỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ HOẶC TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ**

(Kèm theo Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| STT | Tên tổ chức xếp hạng tín nhiệm | Mức xếp hạng tín nhiệm | Ý nghĩa của mức xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu hoặc tổ chức phát hành trái phiếu |
|-----|--------------------------------|------------------------|---|
| 1 | Moody's Ratings | Aaa | Có khả năng cao nhất trong việc thực hiện các cam kết tài chính và rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp nhất |
| | | Aa1 | |
| | | Aa2 | |
| | | Aa3 | Có khả năng rất cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính và rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức rất thấp |
| | | A1 | |
| | | A2 | Có khả năng trung bình cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính và rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp |
| | | A3 | |
| | | Baa1 | |
| | | Baa2 | Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức trung bình và có thể có tính chất đầu cơ |
| | | Baa3 | |
| 2 | S&P Global Ratings | Ba1 | Có yếu tố đầu cơ và rủi ro tín dụng đáng kể |
| | | AAA | Có khả năng cao nhất trong việc thực hiện các cam kết tài chính |
| | | AA+ | |
| | | AA | Có khả năng rất cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính |
| | | AA- | |
| | | A+ | |
| | | A | Có khả năng cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính nhưng có thể bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế và hoàn cảnh biến động |
| | | A- | |

| | | | |
|---|--|---|--|
| | | <p>BBB+</p> <p>BBB</p> <p>BBB-</p> <p>BB+</p> <p>AAA</p> <p>AA+</p> <p>AA</p> <p>AA-</p> <p>A+</p> <p>A</p> <p>A-</p> <p>BBB+</p> <p>BBB</p> <p>BBB-</p> <p>BB+</p> <p>AAA</p> <p>AA+</p> <p>AA</p> <p>AA-</p> <p>AAA</p> | <p>Có đủ khả năng thực hiện các cam kết tài chính nhưng dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế bất lợi</p> <p>ít bị tổn thương trong ngắn hạn nhưng phải đối mặt với những bất ổn lớn đang diễn ra do điều kiện kinh doanh, tài chính và kinh tế bất lợi</p> <p>Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp nhất và chất lượng tín dụng ở mức cực kỳ cao</p> <p>Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức rất thấp và chất lượng tín dụng ở mức rất cao</p> <p>Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp và chất lượng tín dụng ở mức cao, tuy nhiên có thể bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế bất lợi</p> <p>Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ hiện ở mức thấp và có đủ năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính, nhưng dễ bị ảnh hưởng bởi điều kiện kinh tế bất lợi</p> <p>Đễ bị tổn thương do rủi ro vỡ nợ cao, đặc biệt khi có những thay đổi bất lợi về điều kiện kinh doanh hoặc kinh tế theo thời gian, tuy nhiên vẫn có sự linh hoạt về kinh doanh hoặc tài chính để hỗ trợ việc thực hiện các cam kết tài chính</p> <p>Năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính tốt nhất</p> <p>Năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính rất tốt</p> <p>Có mức độ tín nhiệm cao nhất so với các tổ chức và giao dịch khác trong nước</p> |
| 3 | Fitch Ratings | | |
| 4 | Công ty Cổ phần FiiinRatings | | |
| 5 | Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam | | |

| | | | |
|---|--|-------|---|
| | | AA+ | Có mức độ tín nhiệm rất cao so với các tổ chức và giao dịch khác trong nước |
| | | AA | |
| | | AA- | |
| | | vnAAA | Có khả năng rất cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính |
| | | vnAA+ | |
| | | vnAA | Có khả năng cao trong việc thực hiện các cam kết tài chính |
| | | vnAA- | |
| | | AAA | Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức thấp nhất và chất lượng tín dụng ở mức cực kỳ cao |
| | | AA+ | |
| | | AA | Có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức rất thấp và chất lượng tín dụng ở mức rất cao |
| | | AA- | |
| | | AAA | Có khả năng cao nhất trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính (đối với trái phiếu) |
| | | | Có khả năng rất cao trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính (đối với trái phiếu) |
| | | AA+ | Có khả năng rất cao trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính (đối với trái phiếu) |
| | | AA | Có khả năng cao trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính (đối với trái phiếu) |
| | | AA- | |
| | | | Mức xếp hạng tương ứng với năng lực đáp ứng nghĩa vụ tài chính từ rất tốt trở lên hoặc mức độ tín nhiệm từ rất cao trở lên so với các tổ chức và giao dịch khác trong nước hoặc có khả năng cao trở lên trong việc thực hiện các cam kết tài chính hoặc có rủi ro không thanh toán được nghĩa vụ nợ ở mức rất thấp đến thấp nhất và chất lượng tín dụng ở mức rất cao trở lên hoặc có khả năng rất cao đến cao nhất (đối với trái phiếu)/cao đến rất cao (đối với trái phiếu phát hành) trong việc đáp ứng các cam kết về nghĩa vụ tài chính. |
| 6 | Công ty Cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings | | |
| 7 | Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm S&I | | |
| 8 | Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh | | |
| 9 | Các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm khác được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh | | |

TECHCOM CAPITAL



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
KỸ THUẬT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**BỘ SUNG TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2025
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH TECHCOM (TCFIN)**

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư xem xét và thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư thường niên năm tài chính 2025 Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Ngân hàng và Tài chính Techcom (TCFIN) các nội dung sau đây:

LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN CHO QUỸ NĂM TÀI CHÍNH 2026

TCC nhận được bản chào từ hai công ty kiểm toán là (i) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và (ii) Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ năm 2026 sẽ dựa trên các tiêu chí (i) Tính liên tục của kiểm toán; (ii) Mức phí hợp lý; (iii) Tính chuyên nghiệp cao; (iv) Đáp ứng được các yêu cầu của Quỹ.

TCC đề xuất các Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn một trong hai công ty kiểm toán nêu trên làm kiểm toán viên của Quỹ cho năm tài chính 2026.